TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2026/HS-ST
Ngày 01/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Tuấn Anh;

2. Ông Trần Văn Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2026/TLST-HS, ngày 10 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn S**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày 16 tháng 3 năm 1989; tại: Tỉnh Khánh Hòa. Nơi cư trú: Thôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Nơi ở hiện tại: Hẻm B đường Y, phường E, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Không. Họ và tên cha: Nguyễn Văn V (đã chết); họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1962; Bị cáo có vợ là chị Nguyễn Khánh L, sinh năm 1981. Bị cáo có 01 người con là Nguyễn Gia Huỳnh T, sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/11/2001, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 3714/QĐ-UB về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi "Trộm cắp tài sản" và "Huỷ hoại tài sản". Ngày 27/9/2003, Nguyễn Văn S chấp hành xong tại Trường G Tổng cục V1.

Ngày 25/04/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quyết định số 41/QĐ-UB về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi "Trộm cắp tài sản".

Ngày 28/7/2010, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk) xét xử theo Bản án số 172/2010/HSST xử phạt

Nguyễn Văn S 01 năm 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 22/7/2011, Nguyễn Văn S chấp hành xong hình phạt tại trại giam Đ2;

Ngày 14/7/2015, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa) ban hành Bản án số 148/2015/HS-ST xử phạt Nguyễn Văn S 03 năm tù giam về tội "Cướp giật tài sản". Ngày 25/11/2016, Nguyễn Văn S chấp hành xong hình phạt tại Trại giam A – Tổng cục V1 – Bộ C;

Ngày 02/11/2017, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk) ban hành Bản án số 251/2017/HSST xử phạt Nguyễn Văn S 02 năm 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 18/01/2020, Nguyễn Văn S chấp hành xong hình phạt tại Trại giam Đ2 – Cục C1 – Bộ C.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2025 cho đến nay.

- *Bị hại:* Ông Trần Sỹ T1 – sinh năm 1947 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Kim O - sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Ngô Xuân Đ – sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường Y, phường E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ngân hàng TNHH MTV S1.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Phan Thị T2 (có mặt).

Địa chỉ: Số D đường L, phường E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S là đối tượng nghiện chất ma tuý. Khoảng đầu tháng 11 năm 2025, S cùng với ông Trần Sỹ T1, sinh năm 1947, trú tại thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk cùng thuê phòng số 5 dãy phòng trọ tại địa chỉ Hẻm A đường Y, phường E, tỉnh Đắk Lắk để ở chung. Trong khoảng thời gian ở chung, lợi dụng lúc ông Trần Sỹ T1 sơ hở trong việc quản lý tài sản của mình nên Nguyễn Văn S đã trộm cắp tài sản của ông Trần Sỹ T1, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 21 giờ ngày 04 tháng 11 năm 2025, tại phòng trọ số 5 S nhìn thấy ông T1 ngủ say và để 01 chiếc điện thoại di động (hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, dung lượng 64GB, số Imei 1: I1, số Imei 2: I2), đã qua sử dụng trên đầu giường nên S đã lén lút lấy trộm chiếc điện thoại của ông T1 cất vào trong người rồi ra đi ra ngoài. Sau đó, S gặp một người tên T3 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mượn của người này một chiếc xe mô tô nhãn hiệu

Yamaha Sirius, màu đen (chưa xác định được biển số, số khung, số máy của xe) rồi điều khiển xe mô tô trên mang theo chiếc điện thoại di động trộm cắp của ông T1 đi đến tiệm C2, tại số A Y, phường E, tỉnh Đắk Lắk cầm cố cho anh Ngô Xuân Đ, sinh năm 1990, trú tại số A H, phường B, tỉnh Đắk Lắk (là chủ dịch vụ cầm đồ Minh Đ1) được số tiền 5.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 05/11/2025, ông T1 phát hiện bị mất điện thoại đã nói với S thì S thừa nhận với ông T1 về việc đã trộm cắp điện thoại của ông T1 và hứa hẹn sẽ trả lại nên ông T1 không trình báo Cơ quan Công an.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 03 giờ 30 phút 09/11/2025, tại phòng trọ số E, trong lúc ông Trần Sỹ T1 đang ngủ say, S đã lén lút lấy chìa khoá mở cốp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ, biển số 47L1-253.47 của ông T1, thấy bên trong cốp xe có 01 ví da màu đen, ở trong ví có 4.000.000 đồng và 01 thẻ ATM ngân hàng Đ3 (nay là ngân hàng V2) số X mang tên X1. S lấy hết số tiền và thẻ ATM nêu trên cất vào trong người rồi đi đến cây ATM ngân hàng V2 – Phòng G1 tại số D L, phường E, tỉnh Đắk Lắk để rút tiền. Do trước đây, S nhìn thấy ông T1 để tờ giấy ghi nhớ mật khẩu gồm nhiều chữ số 999999 ở sau điện thoại, S nhập mật khẩu thẻ ATM theo các chữ số 9 nêu trên thấy thành công nên S thực hiện thao tác rút tiền 07 lần được tổng số tiền là 12.000.000 đồng và thao tác chuyển khoản 400.000 đồng từ tài khoản thẻ của ông Trần Sỹ T1 sang tài khoản Ngân hàng V2 số 0110453463 của Nguyễn Văn S. Tổng số tiền S đã chiếm đoạt của ông T1 là 16.400.000 đồng. Sau đó, S đi đến khu vực đường Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk mua ma tuý đá của 01 người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) với giá 500.000 đồng để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Ngày 11/11/2025, ông Trần Sỹ T1 đến Công an phường E, tỉnh Đắk Lắk trình báo sự việc bị mất tài sản để giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tại kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường B, kết luận: Tại thời điểm ngày 04/11/2025, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, dung lượng 64GB, số Imei 1: I1, số Imei 2: I2, đã qua sử dụng (tài sản đã thu hồi được) trị giá 6.700.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 129/CT-VKS ngày 09/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 Đắk Lắk, đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi bản chất của vụ án nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 Đắk Lắk vẫn giữ nguyên bản cáo trạng số: 129/CT-VKS ngày 09/3/2026 và đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2025.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận cơ quan điều tra giao trả 01 thẻ ATM Ngân hàng Đ3 (nay là Ngân hàng V2) số X mang tên X1 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, dung lượng 64GB, số Imei 1: I1, số Imei 2: I2 cho ông Trần Sỹ T1 là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng.

Tịch thu tiêu huỷ 01 áo khoác, màu xanh, trên ống tay và sau lưng áo có in chữ GRAP; 01 quần Jeans dài, màu xanh, không rõ nhãn hiệu và 01 áo thun dài tay, màu trắng, trên cổ áo có các màu xanh - vàng - trắng, không rõ nhãn hiệu, đều đã qua sử dụng, là trang phục Nguyễn Văn S mặc trên người khi đi rút tiền từ tài khoản của ông Trần Sỹ T1, không còn giá trị sử dụng.

Về phần trách nhiệm dân sự: Chấp nhận bà Nguyễn Thị Kim O (là mẹ đẻ của Nguyễn Văn S) đã tự nguyện bồi thường cho ông Trần Sỹ T1 số tiền 16.400.000 đồng. Chấp nhận ông T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Buộc Nguyễn Văn S bồi thường cho anh Ngô Xuân Đ số tiền 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn S thừa nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng. Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên vào tháng 11 năm 2025, tại địa bàn phường E, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Nguyễn Văn S đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản của ông Trần Sỹ T1, cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 04/11/2025 Nguyễn Văn S trộm cắp của ông Trần Sỹ T1 01 điện thoại di động động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, trị giá 6.700.000 đồng; Lần thứ hai vào ngày 09/11/2026, Nguyễn Văn S trộm số tiền 16.400.000 đồng của ông Trần Sỹ T1 (gồm tiền mặt 4.000.000 đồng và trong tài khoản ngân hàng 12.400.000 đồng). Tổng số tài sản Nguyễn Văn S đã chiếm đoạt của ông Trần Sỹ T1 là 23.100.000 đồng.

Do đó, có đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Xét tính chất hành vi của bị cáo là nguy hiểm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Mặc dù bị cáo nhận thức

được rằng tài sản của công dân là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị, xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật với bản chất lười biếng lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã 2 lần trộm cắp tài sản của ông Trần Sỹ T1 với tổng số tiền là 23.100.000 đồng. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo không vi phạm tình tiết định khung tăng nặng được quy định nên xét xử tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn, gia đình bị cáo đã bồi thường cho người bị hại, người bị hại làm đơn xin bãi nại cho bị cáo, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt, về xử lý vật chứng là phù hợp do đó cần chấp nhận.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 584 và điều 589 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận cơ quan điều tra giao trả 01 thẻ ATM Ngân hàng Đ3 (Ngân hàng V2) số X mang tên X1 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, dung lượng 64GB, số Imei 1: I1, số Imei 2: I2 cho ông Trần Sỹ T1 là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng.

Tịch thu tiêu huỷ 01 áo khoác, màu xanh, trên ống tay và sau lưng áo có in chữ GRAP; 01 quần Jeans dài, màu xanh, không rõ nhãn hiệu và 01 áo thun dài tay, màu trắng, trên cổ áo có các màu xanh - vàng - trắng, không rõ nhãn hiệu, đều đã qua sử dụng, là trang phục Nguyễn Văn S mặc trên người khi đi rút tiền từ tài khoản của ông Trần Sỹ T1, không còn giá trị sử dụng.

Về phần trách nhiệm dân sự: Chấp nhận bà Nguyễn Thị Kim O (là mẹ đẻ của Nguyễn Văn S) đã tự nguyện bồi thường cho ông Trần Sỹ T1 số tiền 16.400.000 đồng. Chấp nhận ông T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Buộc Nguyễn Văn S bồi thường cho anh Ngô Xuân Đ số tiền 5.000.000 đồng.

Trong vụ án này: Đối với anh Ngô Xuân Đ là người nhận cầm cố của Nguyễn Văn S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax với giá 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi nhận cầm cố tài sản, anh Ngô Xuân Đ không biết chiếc điện thoại trên là do Nguyễn Văn S trộm cắp mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Ngô Xuân Đ là có căn cứ.

Đối với người đàn ông bán ma tuý đá cho Nguyễn Văn S tại khu vực Hoa viên trên đường Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã tiến hành điều tra nhưng chưa xác minh được nhân thân, lai lịch của người này, nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với người tên T3 cho Nguyễn Văn S mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen (chưa xác định được biển số, số khung, số máy): Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của T3 và chưa tạm giữ được chiếc xe trên. Tuy nhiên, khi mượn xe của T3, Nguyễn Văn S không nói cho T3 biết S mượn xe của T3 làm phương tiện để đi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Việc Nguyễn Văn S trộm cắp tài sản và đi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có thì T3 không biết, không liên quan và không hưởng lợi gì. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không đề cập xử lý đối với người tên T3 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn S (dương tính với chất ma túy loại Amphetamine). Quá trình điều tra xác định Nguyễn Văn S không thuộc một trong các trường hợp sau: Trong thời hạn cai nghiện ma túy hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế; Trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy; Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy và trong thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy và trong thời hạn 02 năm kể từ khi tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc điều trị các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật phòng, chống ma túy. Do đó, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn S không đủ yếu tố cấu thành tội Sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Phòng C3 Công an tỉnh Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn S bằng hình thức Cảnh cáo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, là phù hợp.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S **01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/11/2025.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 584 và điều 589 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận cơ quan điều tra giao trả 01 thẻ ATM Ngân hàng Đ3 (Ngân hàng V2) số X mang tên X1 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, dung lượng 64GB, số Imei 1: I1, số Imei 2: I2 cho ông Trần Sỹ T1 là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng.

Tịch thu tiêu huỷ 01 áo khoác, màu xanh, trên ống tay và sau lưng áo có in chữ GRAP; 01 quần Jeans dài, màu xanh, không rõ nhãn hiệu và 01 áo thun dài tay, màu trắng, trên cổ áo có các màu xanh - vàng - trắng, không rõ nhãn hiệu, đều đã qua sử dụng, là trang phục Nguyễn Văn S mặc trên người khi đi rút tiền từ tài khoản của ông Trần Sỹ T1, không còn giá trị sử dụng

Về phần trách nhiệm dân sự: Chấp nhận bà Nguyễn Thị Kim O (là mẹ đẻ của Nguyễn Văn S) đã tự nguyện bồi thường cho ông Trần Sỹ T1 số tiền 16.400.000 đồng. Chấp nhận Ông T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S bồi thường cho anh Ngô Xuân Đ số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1 - Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCA Đắk Lắk;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Kiên